

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 10 - 2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Phương

Ông Quách Hà Vĩnh

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th; sinh năm: 1996; HKTT: Thôn Thành Minh, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn Thành Sơn, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th; sinh năm: 1990; HKTT: Thôn Thành Minh, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn Thành Minh, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị Th, anh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2018, bản tự khai ngày 01/8/2018 và tại phiên toà, chị Bùi Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 04/12/2013 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Cuộc sống kéo dài khiến chị cảm thấy mệt mỏi, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7 năm 2018 đến nay và vợ chồng cũng ly thân từ đó, không ai

quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đức Th1, sinh ngày 26/8/2014. Hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị Thủy có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th1, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên toà, chị Th yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi. Chị trình bày, hiện tại chị có công việc và thu nhập ổn định, trung bình hàng tháng từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/8/2018 và tại phiên toà, anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh và chị Bùi Thị Th kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 04/12/2013 tại UBND xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn, cãi vã nhau do trước đây, anh có chơi bời, cờ bạc, nhưng thời gian gần đây anh đã thay đổi, anh mong chị Th cho anh thời gian để thay đổi bản thân và để cả hai vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đức Th1, sinh ngày 26/8/2014. Nếu ly hôn, anh Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th1, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên toà, anh trình bày hiện tại anh đang làm công nhân ở Công ty TNHH (AAC) với thu nhập bình quân hàng tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ.

Về tài sản: Anh Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự tại bản tự khai và tại phiên toà, chị Th và anh Th thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về hôn nhân và người trực tiếp nuôi con. Chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, kéo dài chỉ khiến chị mệt mỏi nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th. Anh Th cho rằng vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn, cãi vã nhau do anh chơi bời, cờ bạc, nhưng thời gian gần đây anh đã thay đổi bản thân nên anh không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Nguyễn Văn Th không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Th theo quy định tại khoản 3 điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Anh Th đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Th đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà

án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2013 tại UBND xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm, vấn đề này cũng đã được UBND xã Thành Long xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh Th lên làm việc đề hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh Th đều không có mặt, thể hiện anh Th không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị Th, anh Th đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Th được ly hôn anh Th.

[3] Về con cái: Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đức Th1, sinh ngày 26/8/2014. Chị Th và anh Th đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th. Xét yêu cầu của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Nhưng xét hoàn cảnh thực tế, hiện tại cháu Th1 đang ở cùng chị Th, cháu mới hơn 04 tuổi, đang còn nhỏ, để mẹ chăm sóc cho cháu sẽ tốt hơn. Chị Th hiện tại có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Th1, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu Th1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th1, nhưng anh cũng phải có trách nhiệm đóng góp để nuôi dưỡng cháu, ngoài ra anh Th cũng có thu nhập ổn định. Xét yêu cầu của chị Th là hợp lý, buộc anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị Th, anh Th không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

Về con cái: Giao cháu Nguyễn Ngọc Đức Th1, sinh ngày 26/8/2014 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi.

Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Từ khi chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh Th còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003386 ngày 31/7/2018. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Th, anh Th. Chị Th, anh Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Long;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức

